



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

PETAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN NGẠ QUỶ

4. 6.

755. Sāvatti nāma nagaraṃ himavantassa passato,
tatha āsuṃ dve kumārā rājaputtāti me suttaṃ.
756. Pamattā rajaniyesu kāmāssādābhinandino,
paccuppanne sukhe giddhā na te passimsu nāgataṃ.
757. Te cutā¹ ca manussattā paralokaṃ ito gatā.
tedha ghosentyadissantā² pubbe dukkaṭamattano.
758. Bahūsu vata santesu deyyadhamme upaṭṭhite,
nāsakkhinhā ca attānaṃ parittaṃ³ kātuṃ sukhāvahaṃ.
759. Kiṃ tato pāpakaṃ assa yaṃ no rājakulā cutā.
upapannā pettavisayaṃ⁴ khuppiāsāsamappitā.⁵
760. Sāmino idha hutvāna honti assāmino taṃ,
caranti⁶ khuppiāsāya manussā unnatonatā.
761. Etamādinavaṃ⁷ ñatvā issaramada⁸ sambhavaṃ
pahāya issaramadaṃ bhava saggagato naro:
kāyassa bhedaṃ sappañño saggamaṃ so upapajjati ”ti.

Kumārapetavatthu chaṭṭhaṃ.

4. 7.

762. Pubbe katānaṃ kammānaṃ vipāko mathaye maṇaṃ,
rūpe sadde rase gandhe poṭṭhabbe ca manorame.
763. Naccaṃ gītaṃ ratiṃ khiḍḍaṃ anubhuttvā anappakaṃ,
uyyāne paricaritvāna⁹ pavisaṇto giribbajamaṃ.
764. Isiṃ sunettamaddakkhi attadantaṃ samāhitaṃ
appicchaṃ hirisampannaṃ uñche pattagata rataṃ.
765. Hatthikkhandhato oruyha laddhā¹⁰ bhanteti ca bruvi,¹¹
tassa pattaṃ gahetvāna uccaṃ paggayha khattiyo.
766. Thaṇḍile pattaṃ bhinditvā hasamāno apakkami,
rañño kitavassahaṃ¹² putto kiṃ maṃ bhikkhu karissasi.
767. Tassa kammaṃ pharusassa vipāko kaṭuko ahu,
yaṃ rājaputto vedesi nirayamhi samappito.
768. Chaḷeva caturāsīti vassāni nahutāni¹³ ca,
bhusaṃ dukkhaṃ nigacchittho¹⁴ niraye katakibbisso.

¹ puttā - Syā.

² te ca ghosenti na dissanto - Syā.

³ parittasotthiṃ - Syā.

⁴ petavisayaṃ - Syā.

⁵ khuppiāsāsamappitā - Ma, PTS.

⁶ bhamanti - Ma, maranti - Syā.

⁷ evamādinavaṃ - Syā.

⁸ issaramāna - Syā

⁹ paricaritvā - Ma, Syā, PTS.

¹⁰ laddhaṃ - Ma.

¹¹ cābravi - Ma; ca brūvi - Syā; cabravi - PTS.

¹² kitavassāhaṃ - Ma, Syā.

¹³ navutāni - Ma.

¹⁴ nigacchittho - Syā.

4. 6.

755. Ở sườn núi Hy-mã-lạp có thành phố tên là Sāvatti. Tôi đã được nghe rằng: ‘Có hai thanh niên, con trai của đức vua, đã ngụ tại nơi ấy.’

756. Bị say đắm ở các sự ái luyến, vui thích sự khoái lạc ở các dục, tham đắm ở sự sung sướng trong hiện tại, họ đã không nhìn về tương lai.

757. Và họ đã chết đi, lìa bản thể nhân loại, từ nơi đây họ đã đi đến thế giới khác. Ở nơi này, trong khi không được nhìn thấy, họ kêu than về việc xấu xa đã làm của bản thân trong thời quá khứ (nói rằng):

758. “Hỡi ôi, khi các bậc đạo đức có nhiều, khi các vật bố thí được sẵn sàng, chúng tôi đã không thể làm chút ít việc đem lại sự an lạc cho bản thân.

759. Có thể có việc gì tồi tệ hơn thế ấy, là việc chúng tôi đã chết đi từ dòng dõi vua chúa rồi bị sanh vào lãnh vực của ngã quý, bị nhận chịu sự đói khát?”

760. Họ đã là những người chủ ở nơi đây, và trở thành không còn là những người chủ ở nơi khác. Lúc là loài người, họ được nâng cao; và (giờ đây) bị đọa đày, họ lang thang trong sự đói khát.

761. Sau khi biết được điều bất lợi ấy có nguồn sanh khởi là sự say đắm quyền lực, sau khi dứt bỏ sự say đắm quyền lực, con người có thể đi đến cõi trời; do sự tan rã của thân xác, người có trí tuệ ấy được sanh lên cõi trời.

Chuyện Vong Nhân Hai Người Thanh Niên là thứ sáu.

4. 7.

762. Quả thành tựu của các nghiệp đã được làm trong thời quá khứ có thể khuấy động tâm ý ở trường hợp sắc, thanh, vị, hương, và xúc làm thích ý.

763. Sau khi hưởng thụ điệu vũ, lời ca, sự khoái lạc, sự vui thích không phải là ít, sau khi đi lang thang ở vườn hoa, (vị Sát-đế-ly) đi vào Giribbaja.

764. Vị Sát-đế-ly đã nhìn thấy bậc ẩn sĩ Sunetta, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, có ít ham muốn, thành tựu sự khiêm tốn, thích thú với vật được bỏ vào bình bát do sự khát thực.

765. Sau khi leo xuống từ lưng voi, vị Sát-đế-ly đã nói rằng: “Thưa ngài, đã nhận được chưa ạ?” rồi đã cầm lấy bình bát của vị ấy đưa lên cao.

766. Trong lúc cười giỡn, vị Sát-đế-ly đã đập vỡ bình bát ở nền đất cứng, rồi đã bỏ đi (nói rằng): “Tôi là con trai của đức vua Kitava. Nay ông tỳ khưu, ông sẽ làm gì tôi?”

767. Quả thành tựu của hành động thô lỗ của vị (Sát-đế-ly) ấy đã là dữ dội, là việc người con trai của đức vua đã cảm thọ, đã gánh lấy ở địa ngục.

768. Kẻ đã làm điều sai quấy đã trải nghiệm sự khổ sở vô cùng ở địa ngục đến sáu lần của thời gian tám mươi bốn ngàn năm.

769. Uttānopi ca paccittha nikuḷḷo vāmadakkhiṇo,
uddhampādo ṭhito ceva ciraṃ bālo apaccatha.¹

770. Bahūni vassasahassāni pūgāni nahutāni ca,
bhusaṃ dukkhaṃ nigacchittho² niraye katakibbiso.

771. Etādisaṃ kho kaṭukaṃ appaduṭṭhappadosinaṃ,
paccanti pāpakammantā isimāsajja subbataṃ.

772. So tattha bahuvassāni³ vedayitvā bahuṃ dukhaṃ,⁴
khuppiṭṭasāhato⁵ nāma peto āsi tato cuto.

773. Etamādīnavaṃ⁶ disvā⁷ issaramadasambhavaṃ,
pahāya issaramadaṃ nivātamanuvattaye.

774. Diṭṭheva dhamme pāsaṃso yo buddhesu sagāravo,
kāyassa bhedaṃ sappañño saggamaṃ so upapajjati ”ti.

Rājaputtapetavatthu sattamaṃ.

¹ apaccitha - Syā.

² nigacchittho - Syā.

³ bahudukkhāni - PTS.

⁴ bahudukkhaṃ - Syā.

⁵ khuppiṭṭasāhato - Ma, Syā.

⁶ evamādīnavaṃ - Syā.

⁷ ñatvā - Ma, Syā.

769. Kẻ ấy đã bị nung nấu ở tư thế nằm ngửa, nằm sấp, nằm nghiêng bên trái, nằm nghiêng bên phải, chân ở phía trên (chống ngược), và luôn cả tư thế đứng; kẻ ngu si đã bị nung nấu dài lâu.

770. Trong nhiều ngàn năm và nhiều lần mười ngàn (năm), kẻ đã làm điều sai quấy đã trải nghiệm sự khổ sở vô cùng ở địa ngục.

771. Thật vậy, sau khi công kích bậc ẩn sĩ có sự hành trì tốt đẹp, không tồi bại, không tội lỗi, những kẻ có hành động ác xấu bị nung nấu dữ dội như thế ấy.

772. Sau khi cảm thọ nhiều khổ đau ở tại nơi ấy nhiều năm, sau khi chết đi từ nơi ấy đã trở thành ngạ quỷ, đương nhiên bị hành hạ bởi sự đói khát.

773. Sau khi biết được điều bất lợi ấy có nguồn sanh khởi là sự say đắm quyền lực, sau khi dứt bỏ sự say đắm quyền lực, nên hành xử theo lối nhún nhường.

774. Người nào có sự tôn kính đối với chư Phật được sự ngợi khen ngay trong hiện tại; do sự tan rã của thân xác, người có trí tuệ ấy được sanh lên cõi trời.

Chuyện Vong Nhân Con Trai của Đức Vua là thứ bảy.